

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA
Số: ~~770~~/TTMS-NVD

V/v rà soát điều chỉnh số lượng nhu cầu
thuốc áp dụng hình thức đàm phán giá
năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ~~27~~ tháng 9 năm 2023

Kính gửi:

- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương/
Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương;
 - Các Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế.
- (Chi tiết danh mục đính kèm tại Phụ lục I)

Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (Trung tâm) đã ban hành các văn bản số 808/TTMS-NVD ngày 29/12/2022, số 27/TTMS-NVD ngày 19/01/2023 gửi Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương/Đơn vị Mua sắm tập trung cấp địa phương, Y tế các Bộ/Ngành; các Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế về việc hướng dẫn xây dựng, tổng hợp nhu cầu các thuốc áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2023 bao gồm 125 thuốc.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ và để đảm bảo tính khả thi trong công tác đàm phán giá, sau khi nhận được các văn bản về tổng hợp dự trù, rà soát, thuyết minh giải trình số lượng các thuốc dự kiến đàm phán giá năm 2023 của Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế, Trung tâm đã tiến hành tổng hợp, rà soát và trình Bộ Y tế đề nghị phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp các thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2023 bao gồm 86 thuốc (Chi tiết các thuốc tại Phụ lục II).

Thực hiện ý kiến kết luận của Tổ Thẩm định (Bộ Y tế) tại cuộc họp thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp các thuốc biệt dược gốc thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2023 (lần 2) ngày 25/9/2023 về việc đề nghị tiếp tục rà soát, điều chỉnh số lượng dự trù của Sở Y tế các tỉnh, thành phố và các Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có giá trị dự trù lớn và các thuốc có tỷ lệ số lượng thuốc dự trù tăng trên 30% số lượng đã sử dụng năm trước, Trung tâm đề nghị Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương/Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương hướng dẫn các cơ sở y tế trên địa bàn và đề nghị Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế thực hiện một số nội dung như sau:

- Các cơ sở y tế tiến hành rà soát, điều chỉnh số lượng nhu cầu các thuốc dự kiến đàm phán giá năm 2023 có tỷ lệ số lượng thuốc dự trù tăng trên 30% số lượng

đã sử dụng năm trước theo biểu mẫu số 01 và Sở Y tế/Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương tiến hành tổng hợp nhu cầu được thực hiện theo biểu mẫu số 03, 04 tại công văn này và trên website của Trung tâm tại địa chỉ **ttms.moh.gov.vn**.

- Trung tâm đề nghị các cơ sở y tế có văn bản khẳng định cam kết chịu trách nhiệm về số lượng dự trữ là hoàn toàn phù hợp nhu cầu thực tế điều trị và ngân sách tiền thuốc của cơ sở y tế trong năm 2024 - 2026. Đồng thời, Trung tâm đề nghị Sở Y tế các tỉnh, thành phố có văn bản khẳng định đồng ý với số lượng dự trữ của các cơ sở y tế trên địa bàn là phù hợp với nhu cầu điều trị và ngân sách tiền thuốc của các cơ sở y tế trên địa bàn trong năm 2024 - 2026 và chịu trách nhiệm đảm bảo thuốc phục vụ cho công tác khám, chữa bệnh.

- Văn bản khẳng định và các biểu mẫu điều chỉnh số lượng dự trữ các thuốc dự kiến đàm phán giá của Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương/Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế đề nghị gửi về Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (địa chỉ: 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội) trước **17h00 ngày 09/10/2023**. Nếu sau thời gian nêu trên không nhận được văn bản phản hồi của Quý Sở/Bệnh viện, Trung tâm đề nghị Quý Sở/Bệnh viện trực tiếp giải trình về số lượng nhu cầu các thuốc dự kiến tiến hành đàm phán giá với Tổ Thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo hình thức đàm phán giá (Bộ Y tế).

- Đối với các thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá được quy định tại Thông tư 15/2020/TT-BYT trong thời gian chưa có kết quả đàm phán giá được công bố, các cơ sở y tế có trách nhiệm chủ động mua sắm bảo đảm cung ứng thuốc cho nhu cầu điều trị theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư 15/2019/TT-BYT (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Thông tư số 06/2023/TT-BYT).

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị liên hệ: Phòng Nghiệp vụ Dược, Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, SĐT: 024 6273 2339 để được hỗ trợ.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NVD.

GIÁM ĐỐC

Lê Thanh Dũng

PHỤ LỤC I: DANH SÁCH CÁC BỆNH VIỆN/VIỆN CÓ GIƯỜNG BỆNH TRỰC THUỘC BỘ Y TẾ

(Kèm theo văn bản số 770/TMMS-NVD ngày 27/9/2023 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia)

STT	Tên Sở Y tế/Bệnh viện	Tổng giá trị dự trù 36 tháng của đơn vị (VND)	Tỷ lệ giá trị dự trù năm thứ nhất/giá trị sử dụng năm 2022
Miền Bắc			
I. Các Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế			
1	Bệnh viện Bạch Mai	1.258.343.259.600	240%
2	Bệnh viện bệnh Nhiệt đới Trung ương	129.327.566.540	186%
3	Bệnh viện K	967.280.900.150	151%
4	Bệnh viện Nội tiết Trung ương	144.507.320.480	178%
5	Bệnh viện Lão khoa Trung ương	94.119.878.668	169%
6	Bệnh viện Phổi Trung ương	247.416.602.848	211%
7	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	522.211.238.680	292%
8	Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	70.843.331.190	219%
II. Sở Y tế tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương			
1	Sở Y tế tỉnh Bắc Giang	96.462.009.353	222%
2	Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh	70.963.628.034	317%
3	Sở Y tế thành phố Hà Nội	2.648.439.537.291	161%
4	Sở Y tế tỉnh Hải Dương	180.626.505.526	183%
5	Sở Y tế tỉnh Hưng Yên	98.998.539.462	188%
6	Sở Y tế tỉnh Nam Định	174.981.314.263	300%
7	Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh	257.107.445.157	390%
8	Sở Y tế tỉnh Sơn La	70.176.735.436	14092%
9	Sở Y tế tỉnh Thái Bình	158.676.996.178	578%
10	Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên	108.433.292.728	302%
Miền Trung			
I. Các Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế			
1	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới	166.413.701.868	361%
II. Sở Y tế tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương			
1	Sở Y tế tỉnh Bình Định	109.077.309.629	159%
2	Sở Y tế thành phố Đà Nẵng	688.405.690.209	169%
3	Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk	82.635.138.980	183%
4	Sở Y tế tỉnh Hà Tĩnh	94.825.957.652	185%
5	Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa	229.437.801.359	288%
6	Sở Y tế tỉnh Nghệ An	677.015.929.250	185%
7	Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng	142.537.000.896	369%
8	Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa	301.036.059.619	258%
9	Sở Y tế tỉnh Thừa Thiên Huế	74.841.909.578	340%
Miền Nam			
I. Các Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế			
1	Bệnh viện Chợ Rẫy	1.332.306.397.959	191%
2	Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	335.023.365.752	145%

STT	Tên Sở Y tế/Bệnh viện	Tổng giá trị dự trù 36 tháng của đơn vị (VND)	Tỷ lệ giá trị dự trù năm thứ nhất/giá trị sử dụng năm 2022
II. Sở Y tế tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương			
1	Sở Y tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	212.737.780.892	271%
2	Sở Y tế tỉnh Cà Mau	115.037.535.776	227%
3	Sở Y tế thành phố Cần Thơ	404.139.945.912	184%
4	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	260.186.916.874	243%
5	Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp	150.480.364.534	191%
6	Sở Y tế tỉnh Kiên Giang	156.248.684.692	155%
7	Sở Y tế tỉnh Tây Ninh	123.325.233.924	224%
8	Sở Y tế tỉnh Tiền Giang	76.191.984.063	183%
9	Sở Y tế tỉnh Trà Vinh	77.433.216.140	703%
10	Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long	187.182.113.334	889%
11	Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh	4.600.073.996.411	156%

**PHỤ LỤC II: DANH SÁCH CÁC THUỐC TRUNG TÂM ĐANG XÂY
DỰNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU NĂM 2023**

(Kèm theo văn bản số 140/ETMS-NVD ngày 27/9/2023 của Trung tâm
Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia)

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính
1	M05BA08.II001	Aclasta	Acid zoledronic	5mg/100 ml	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ/ Ống
2	L01BA04.II019	Alimta	Pemetrexed	500mg	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ/ Ống
3	L01BA04.II020	Alimta	Pemetrexed	100mg	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ/ Ống
4	A04AA05.II021	Aloxi	Palonosetron	0,25mg	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ/ Ống
5	C08CA01.I02	Amlor	Amlodipine	5mg	Uống	Viên
6	C09CA04.I06	Aprovel	Irbesartan	150mg	Uống	Viên
7	C09CA04.I07	Aprovel	Irbesartan	300mg	Uống	Viên
8	L02BG03.I08	Arimidex	Anastrozol	1mg	Uống	Viên
9	L02BG06.I09	Aromasin	Exemestane	25mg	Uống	Viên
10	J01CR02.I10	Augmentin 1g	Amoxicillin; Acid clavulanic	875mg; 125mg	Uống	Viên
11	J01CR02.I11	Augmentin 625mg tablets	Amoxicillin; Acid clavulanic	500mg; 125mg	Uống	Viên
12	C07AB02.II053	Betaloc Zok 25mg	Metoprolol succinat (tương đương với Metoprolol tartrate 25mg)	23,75mg	Uống	Viên
13	C07AB02.II054	Betaloc Zok 50mg	Metoprolol succinat (tương đương với Metoprolol tartrate 50mg)	47,5mg	Uống	Viên
14	L01CE02.I14	Campto	Irinotecan hydroclorid trihydrate	100mg/5 ml	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ/ Ống
15	L01CE02.I15	Campto	Irinotecan hydroclorid trihydrate	40mg/2 ml	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ/ Ống
16	J02AX04.II068	Cancidas	Caspofungin	70mg	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ/ Ống
17	J02AX04.II069	Cancidas	Caspofungin	50mg	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ/ Ống
18	C09DA03.I21	Co-Diovan 160/25	Valsartan; Hydrochlorothiazide	160mg; 25mg	Uống	Viên
19	C09DA03.I22	Co-Diovan 80/12,5	Valsartan; Hydrochlorothiazide	80mg; 12,5mg	Uống	Viên
20	R03AL02.II096	Combivent	Ipratropium bromide	0,5mg; 2,5mg	Hít	Chai/Lọ/ Ống

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính
			anhydrous; Salbutamol			
21	C07AB07.I23	Concor 5mg	Bisoprolol fumarate	5mg	Uống	Viên
22	C07AB07.I24	Concor Cor	Bisoprolol fumarate	2,5mg	Uống	Viên
23	C09CA01.I25	Cozaar 50mg	Losartan potassium	50mg	Uống	Viên
24	R07AA02.II106	Curosurf	Phospholipid chiết xuất từ phổi lợn	120mg/1, 5ml	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ/ Ống
25	C09CA03.I34	Diovan 160	Valsartan	160mg	Uống	Viên
26	C09CA03.I35	Diovan 80	Valsartan	80mg	Uống	Viên
27	B01AC06.II132	Duoplavin	Clopidogrel; Acetylsalicylic acid	75mg; 100mg	Uống	Viên
28	L01XC06.II151	Erbitux	Cetuximab	5mg/ml	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ/ Ống
29	C09DB01.II160	Exforge	Amlodipin; Valsartan	10mg; 160mg	Uống	Viên
30	C09DB01.II162	Exforge	Amlodipin; Valsartan	5mg; 80mg	Uống	Viên
31	L02BG04.I37	Femara	Letrozole	2,5mg	Uống	Viên
32	L01EB03.II207	Giotrif	Afatinib	40mg	Uống	Viên
33	L01EB03.II208	Giotrif	Afatinib	30mg	Uống	Viên
34	L01EB03.II209	Giotrif	Afatinib	20mg	Uống	Viên
35	A10BA02.I41	Glucophage	Metformin hydrochlorid	1000mg	Uống	Viên
36	A10BA02.I42	Glucophage 500mg	Metformin hydrochlorid	500mg	Uống	Viên
37	A10BA02.I43	Glucophage 850mg	Metformin hydrochlorid	850mg	Uống	Viên
38	A10BA02.II200	Glucophage XR 1000mg	Metformin hydrochlorid	1000mg	Uống	Viên
39	A10BA02.II201	Glucophage XR 750mg	Metformin hydrochlorid	750mg	Uống	Viên
40	J01DH03.II231	Invanz	Ertapenem	1g	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ/ Ống
41	C10AA05.I45	Lipitor	Atorvastatin	20mg	Uống	Viên
42	C10AA05.I46	Lipitor	Atorvastatin	10mg	Uống	Viên
43	C10AA05.II285	Lipitor	Atorvastatin	40mg	Uống	Viên
44	C10AX06.II286A	Lipofundin MCT/LCT 10%	Medium-chain Triglycerides; Soya-bean Oil	5g/100ml; 5g/100ml; 250ml	Tiêm/ truyền	Chai
45	C10AX06.II286B	Lipofundin MCT/LCT 10%	Medium-chain Triglycerides; Soya-bean Oil	5g/100ml; 5g/100ml; 500ml	Tiêm/ truyền	Chai

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính
46	C10AX06.II287A	Lipofundin MCT/LCT 20%	Medium-chain Triglycerides; Soya-bean Oil	10g/100 ml; 10g/100 ml; 100ml	Tiêm/ truyền	Chai
47	C10AX06.II287B	Lipofundin MCT/LCT 20%	Medium-chain Triglycerides; Soya-bean Oil	10g/100 ml; 10g/100 ml; 250ml	Tiêm/ truyền	Chai
48	H02AB04.II306	Medrol	Methylprednisolon	4mg	Uống	Viên
49	H02AB04.II307	Medrol	Methylprednisolon	16mg	Uống	Viên
50	C09CA07.I49	Micardis	Telmisartan	80mg	Uống	Viên
51	C09CA07.I50	Micardis	Telmisartan	40mg	Uống	Viên
52	M01AC06.I51	Mobic	Meloxicam	15mg	Uống	Viên
53	M01AC06.I52	Mobic	Meloxicam	7,5mg	Uống	Viên
54	L03AA13.II329	Neulastim	Pegfilgrastim	6mg/0,6 ml	Tiêm/truyền	Bơm tiêm/Xy lanh
55	A02BC05.II333	Nexium	Esomeprazole	10mg	Uống	Gói
56	A02BC05.II334	Nexium	Esomeprazole natri	40mg	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ/ Ống
57	A02BC05.I57	Nexium Mups	Esomeprazol	40mg	Uống	Viên
58	A02BC05.I58	Nexium Mups	Esomeprazol	20mg	Uống	Viên
59	L02BA01.I60	Nolvadex-D	Tamoxifen	20mg	Uống	Viên
60	V08AB02.II350	Omnipaque	Iohexol	755mg/ml (tương đương 350mg Iod/ml); 100ml	Tiêm/ truyền	Chai
61	A02BC02.I63	Pantoloc	Pantoprazole	40mg	Uống	Viên
62	A02BC02.I64	Pantoloc IV	Pantoprazole	40mg	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ/ Ống
63	C01EB17.II383	Procoralan 5mg	Ivabradin	5mg	Uống	Viên
64	C01EB17.II384	Procoralan 7.5mg	Ivabradin	7,5mg	Uống	Viên
65	L04AD02.II387	Prograf 5mg/ml	Tacrolimus	5mg/ml	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ/ Ống
66	R03AK06.II437	Seretide Evohaler DC 25/250mcg	Salmeterol; Fluticasone propionate	(25mcg; 250mcg) / liều	Hít	Bình/Chai/ Lọ/Hộp
67	N01AB08.II443	Sevorane	Sevofluran	100% w/w	Hít	Chai/Lọ

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính
68	H02AB04.II456	Solu-Medrol	Methylprednisolon	40mg	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ/ Ống
69	H02AB04.II457	Solu-Medrol	Methylprednisolon	500mg	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ/ Ống
70	H02AB04.II458	Solu-Medrol	Methylprednisolon	125mg	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ/ Ống
71	L01EA03.II490	Tasigna 200mg	Nilotinib	200mg	Uống	Viên
72	J01MA12.I73	Tavanic	Levofloxacin	500mg	Uống	Viên
73	J01CR05.I74	Tazocin	Piperacillin; Tazobactam	4g; 0,5g	Tiêm/ truyền	Lọ
74	J01CG01.II529	Unasyn	Sulbactam; Ampicilin	0,5g; 1g	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ/ Ống
75	C01EB15.II533	Vastarel MR	Trimetazidine dihydrochloride	35mg	Uống	Viên
76	L01XG01.II535	Velcade	Bortezomib	3,5 mg	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ/ Ống
77	L01XG01.II534	Velcade	Bortezomib	1mg	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ/ Ống
78	B01AF01.II562	Xarelto	Rivaroxaban	10mg	Uống	Viên
79	B01AF01.II563	Xarelto	Rivaroxaban	15mg	Uống	Viên
80	B01AF01.II564	Xarelto	Rivaroxaban	20mg	Uống	Viên
81	B01AF01.II565	Xarelto	Rivaroxaban	2,5mg	Uống	Viên
82	G04CA01.II567	Xatral XL 10mg	Alfuzosin hydrochloride	10mg	Uống	Viên
83	J01DC02.I82	Zinnat tablets 250mg	Cefuroxim	250mg	Uống	Viên
84	J01DC02.I83	Zinnat tablets 500mg	Cefuroxim	500mg	Uống	Viên
85	L02AE03.II586	Zoladex	Goserelin	3,6 mg	Tiêm/ truyền	Bom tiêm/Xy lanh
86	M05BA08.II587	Zometa	Acid zoledronic	4mg/100 ml	Tiêm/ truyền	Chai/Lọ/ Ống

Kèm theo CV số:

Tên đơn vị:
Mã đơn vị:
Tỉnh/TP:



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT NHẬP CẦU SỬ DỤNG THUỐC THUỘC DANH MỤC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG CẤP QUỐC GIA
(TTMS-NVD ngày tháng năm 2023)

TT	STT theo TT 15	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Dạng bào chế	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm TCKT	ĐVT	Số lượng sử dụng từ 01/01/2022-31/12/2022	Số lượng đề xuất năm thứ nhất				Số lượng đề xuất năm thứ hai					Tổng cộng 3 năm	Đơn giá tạm tính (đồng)	Thành tiền (đồng)
										Cộng	Q1	Q2	Q3	Q4	Cộng	Q1	Q2	Q3	Q4		
1	443	N01AB08.02	Sevofluran	Dung dịch khí dung	100% w/w	Hít	BDG	Chai/Lọ												3.578.600	
2	51	M01AC06.01	Meloxicam	Viên	15mg	Uống	BDG	Viên												16.189	
3	52	M01AC06.01	Meloxicam	Viên	7,5mg	Uống	BDG	Viên												9.122	
...	...																				

Lưu ý:

- Đề đảm bảo chính xác trong khi tổng hợp, yêu cầu sử dụng định dạng unicode, diễn thống tin đúng cột, dòng. Nếu không có nhu cầu đề nghị để trống, không thêm hoặc bớt dòng, cột của biểu mẫu.
- Đơn giá tạm tính là đơn giá kế hoạch xây dựng theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 14 của Thông tư 15/2019/TT-BYT.

Tổng số khoản:.....
Tổng giá trị:.....

Người lập biểu
(Kí và ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Kí, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Thời điểm in Phiên bản:.....

Số điện thoại:

YÊU CẦU SỬ DỤNG THUỐC THUỘC DANH MỤC THUỐC ÁP DỤNG HÌNH THỨC ĐÀM PHÁN GIÁ
(Kèm theo công văn số /TTMS-NVD ngày tháng năm 2023)

DM theo TT15	TT theo TT15	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Dạng bào chế	★ Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm TCKT	ĐVT	Số lượng đơn vị dự trữ	Số lượng sử dụng từ 01/01/2022- 31/12/2022	Số lượng để xuất năm thứ nhất				Số lượng để xuất năm thứ hai				Tổng cộng 3 năm	Đơn giá tạm tính (đồng)	Thành tiền (đồng)
											Cộng	Q1	Q2	Q3	Q4	Cộng	Q1	Q2	Q3	Q4	
1	II	443	N01AB08.II443	Sevofluran	Dung dịch khí	Hít	BDG	Chai/Lọ													
2	I	51	M01AC06.I51	Meloxicam	Viên	Uống	BDG	Viên													3.578.600
3	I	52	M01AC06.I52	Meloxicam	Viên	Uống	BDG	Viên													16.189
...																					9.122

Lưu ý:
- Để đảm bảo chính xác trong khi tổng hợp, yêu cầu sử dụng định dạng unicode, diễn thông tin đúng cột, dòng. Nếu không có nhu cầu để nghị để trống, không thêm hoặc bớt dòng, cột của biểu mẫu.
- Đơn giá tạm tính là đơn giá kế hoạch xây dựng theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 14 của Thông tư 15/2019/TT-BYT.

Thủ trưởng đơn vị
(Kí, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Người lập biểu
(Kí và ghi rõ họ tên)

Số điện thoại:

Thời điểm in:..... Phiên bản:.....



Tên đơn vị: Sở Y tế
Tỉnh/TP:

Kèm theo CV số:

BÁO CÁO TỔNG HỢP NHƯ CẦU SỬ DỤNG THUỐC THUỘC DANH MỤC THUỐC ÁP DỤNG HÌNH THỨC ĐÀM PHÁN GIÁ (CHI TIẾT THEO CƠ SỞ Y TẾ)
(Kèm theo công văn số /TTMS-NVD ngày tháng năm 2023)

TT	STT theo TT 15	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Dạng bào chế	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm TCKT	ĐVT	Tổng cộng 3 năm	Số lượng để xuất năm thứ nhất				Số lượng để xuất năm thứ hai					Số lượng sử dụng từ 01/01/2022-31/12/2022	Tỉ lệ thanh toán BHYT (%)	SL tồn kho tại thời điểm dự trừ	Thời điểm hết hiệu lực hợp đồng đã kí	Đơn vị dự trừ
										Cộng	Q1	Q2	Q3	Q4	Cộng	Q1	Q2						
1	443	N01AB08.II443	Sevofluran	Dung dịch khí dung	100% w/w	Hít	BDG	Chai/Lọ															
2	51	M01AC06.151	Meloxicam	Viên	15mg	Uống	BDG	Viên															
3	52	M01AC06.152	Meloxicam	Viên	7,5mg	Uống	BDG	Viên															
...																							

Lưu ý: - Để đảm bảo chính xác trong khi tổng hợp, yêu cầu sử dụng định dạng unicode, điền thông tin đúng cột, dòng. Nếu không có nhu cầu để nghỉ để trống, không thêm hoặc bớt dòng, cột của biểu mẫu.

Người lập biểu
(Kí và ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Kí, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Thời điểm in:..... Phiên bản:.....

Số điện thoại:

SYT Bình Định
Vận hành
27/09/2023 16:34:10